

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÌNH TÂN
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 21 - 01 - 2025

V/v tranh chấp “ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH TÂN - TỈNH VĨNH LONG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Kim Ngân

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Ngọc Đức
2. Ông Trương Văn Ánh

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Thanh Điền - là Thư ký của Tòa án nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Ông Phan Thanh Trí - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 01 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 170/2024/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 10 năm 2024; về tranh chấp: “ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 95/2024/QĐXX-ST ngày 09 tháng 12 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2025/QĐST-HNGĐ ngày 03 tháng 01 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Từ Thị Lan L**, sinh năm 1996. Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre (xin vắng mặt).

- Bị đơn: Anh **Thái Thanh G**, sinh năm 1995. Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Long (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện đề ngày 08/7/2024 nguyên đơn chị Từ Thị Lan L trình bày: Chị và anh Thái Thanh G tự nguyện tiến đến hôn nhân, đăng ký kết hôn ngày 25/9/2023 tại UBND xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre. Không có con chung. Vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn nguyên nhân do vợ chồng thường xuyên cãi vã do bất đồng quan điểm sống, chồng nợ nần, rượu chè, có mối quan hệ ngoài hôn nhân, bạo hành vợ. Thực tế vợ chồng đã cố gắng hòa giải nhiều lần nhưng không thành dẫn đến cuộc sống ngày càng căng thẳng, ly thân từ tháng 6/2024 đến nay; mục đích hôn nhân không đạt được, chị yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn anh Thái Thanh G. Về con chung: không có, không yêu cầu giải quyết; Về quan hệ tài sản (tài sản chung, nợ chung): không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ngoài ra, chị không còn yêu cầu nào khác.

Tại phiên tòa:

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

+ Về việc giải quyết vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 28, 35, 39, 147, 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Từ Thị Lan L được ly hôn với anh Thái Thanh G. Về con chung: không có, không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét giải quyết; Về quan hệ tài sản (tài sản chung, nợ chung): không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét giải quyết. Về án phí buộc chị L nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, khấu trừ tạm ứng án phí nên bà L không phải nộp thêm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Chị Từ Thị Lan L có đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn anh Thái Thanh G, anh G có nơi cư trú thuộc huyện B nên tranh chấp và quan hệ pháp luật thuộc thẩm quyền thụ lý và giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bình Tân được quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng triệu tập bị đơn anh Thái Thanh G tham gia phiên tòa giải quyết vụ án nhưng anh G vắng mặt. Chị Từ Thị Lan L có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt các đương sự.

[1.3] Bị đơn anh Thái Thanh G đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn không đến Tòa án để giải quyết vụ án, không trình bày ý kiến, không đưa ra được chứng cứ chứng minh nên anh G đã tự tước bỏ quyền được chứng minh của mình. Anh G phải chịu hậu quả của việc không chứng minh theo quy định tại Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào lời trình bày của nguyên đơn và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án làm chứng cứ để xem xét giải quyết vụ án.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Từ Thị Lan L và anh Thái Thanh G tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên hôn nhân giữa anh chị là hợp pháp, được pháp luật công nhận.

Xét yêu cầu xin ly hôn của chị L là có cơ sở. Bởi lẽ quá trình chung sống anh chị bất đồng quan điểm với nhau, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, không còn hạnh phúc; từ lâu đã không thực hiện nghĩa vụ vợ chồng phải thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ thực hiện các công việc trong gia đình, ly thân từ tháng 6/2024 đến nay. Hiện mỗi người đều có cuộc sống riêng không còn quan tâm đến nhau, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị L xác định không còn tình cảm vợ chồng với anh G, chị

yêu cầu được ly hôn. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị L được ly hôn anh G là có căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2] Về con chung: không có, không yêu cầu giải quyết; do đó Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[2.3] Về chia tài sản: Chị Từ Thị Lan L không tranh chấp, không yêu cầu giải quyết; do đó Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Chị Từ Thị Lan L phải nộp án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

[4] Xét đề nghị của Kiểm sát viên có căn cứ nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 9, 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Từ Thị Lan L và anh Thái Thanh G.

2. Về con chung: không có, không yêu cầu giải quyết; do đó Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

3. Về chia tài sản: chị Từ Thị Lan L không tranh chấp, không yêu cầu giải quyết; do đó Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Chị Từ Thị Lan L phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*). Khấu trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) do chị L nộp theo biên lai thu số 0000046 ngày 15/10/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Bình Tân. Vậy chị L đã nộp đủ.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND T. Vĩnh Long;
- VKSND H. Bình Tân;
- Chi cục THADS H. Bình Tân;
- UBND xã Tân Thành Bình, H. Mô Cày Bắc, T. Bến Tre;
- Các đương sự;
- Lưu.

(Đã ký)

Phan Kim Ngân

